

QUẢN LÝ, BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

TRẦN TOÀN TRUNG⁽¹⁾

Tóm tắt: Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa văn hóa và được đánh giá là quốc gia tiếp cận và phát triển nhanh trên lĩnh vực kỹ thuật số và công nghệ thông tin, song không nằm ngoài ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực. Bài viết tập trung vào phân tích thực trạng và kiến nghị một số giải pháp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Cách mạng công nghiệp 4.0; ứng dụng công nghệ thông tin; quản lý bảo tồn; văn hóa các dân tộc thiểu số.

Abstract: Vietnam is a multi-ethnic, multicultural country. It is also recognized for rapid development in digital and information technology; as such, it is under strong influence of the Industry 4.0. This paper focused on analyzing the preservation and development of cultural values of ethnic minority cultural values and solutions to enhance information technology application in ethnic cultural preservation and management.

Keywords: Industry 4.0; application of information technology; preservation management; ethnic minority culture.

Ngày nhận bài: 05/3/2020; Ngày sửa bài: 04/4/2020; Ngày duyệt đăng bài: 14/4/2020.

Mở đầu

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0) với nền tảng là công nghệ thông tin, internet và trí tuệ nhân tạo đang diễn ra mạnh mẽ và tác động đến kinh tế, văn hóa, xã hội trên toàn cầu. Trong lĩnh vực văn hóa và quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin đã và đang được triển khai nhưng còn gặp nhiều khó khăn vì nhiều lý do khách quan và chủ quan. Vì vậy, cần phải áp dụng một số giải pháp để khắc phục nhằm ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả hơn trong công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

1. Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đối với công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số

Trong thời kỳ lịch sử cận - hiện đại trên thế giới đã và đang diễn ra 4 cuộc cách mạng công nghiệp với các đặc trưng và trình độ phát triển ngày càng cao, có ảnh hưởng, tác động và làm biến đổi thế giới, ghi các dấu mốc đậm nét trong lịch sử nhân loại.

Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất: Từ cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX, đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất này là việc sử dụng

⁽¹⁾ ThS., Học viện Hành chính quốc gia.

Email: trungtt@napa.vn.

năng lượng nước, hơi nước và cơ giới hóa sản xuất. Cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử nhân loại – kỷ nguyên sản xuất cơ khí, cơ giới hóa. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đã thay thế hệ thống kỹ thuật cũ có tính truyền thống của thời đại nông nghiệp (kéo dài 17 thế kỷ), chủ yếu dựa vào sức mạnh cơ bắp (lao động thủ công), sức nước, sức gió và sức kéo động vật bằng một hệ thống kỹ thuật mới với nguồn động lực là máy hơi nước và nguồn nguyên, nhiên vật liệu và năng lượng mới là sắt và than đá. Nó khiến lực lượng sản xuất được thúc đẩy phát triển mạnh mẽ, tạo nên tình thế phát triển vượt bậc của nền công nghiệp và nền kinh tế.

Cách mạng công nghiệp lần thứ hai: Từ nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp lần này là việc sử dụng năng lượng điện và sự ra đời của các dây chuyền sản xuất hàng loạt trên quy mô lớn. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra khi có sự phát triển của ngành điện, vận tải, hóa học, sản xuất thép, và đặc biệt là sản xuất và tiêu dùng hàng loạt. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai mở ra kỷ nguyên sản xuất hàng loạt, được thúc đẩy bởi sự ra đời của điện và dây chuyền lắp ráp, tạo nên những tiến đề mới và cơ sở vững chắc để phát triển nền công nghiệp ở mức cao hơn nữa.

Cách mạng công nghiệp lần thứ ba: Bắt đầu từ những năm 1960 với việc phát minh ra máy vi tính, mạng internet, sử dụng điện tử và công nghệ thông tin (CNTT) để tự động hóa sản xuất. Cuộc cách mạng này đã đưa rõ bớt tham gia các dây chuyền sản xuất tạo điều kiện tiết kiệm các tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực xã hội, cho phép chi phí tương đối ít hơn các phương

tiện sản xuất để tạo ra cùng một khối lượng hàng hóa tiêu dùng.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Xuất hiện trong những năm gần đây, dựa trên nền tảng số hóa, đặc biệt là việc sử dụng phổ biến mạng internet của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba nhưng mang bản chất khác. Đây là cuộc cách mạng mang tính đột phá, tạo ra sự biến đổi theo cấp số nhân. Nội dung chính của cách mạng công nghiệp 4.0 là sự phát triển hệ thống liên kết thế giới thực và ảo trên cơ sở internet kết nối vạn vật. Trong đó tiêu biểu là sự phát triển nhanh của trí tuệ nhân tạo. Máy móc bước đầu thay thế con người trong việc suy nghĩ, tư duy... Việc tạo ra trí tuệ nhân tạo đã tạo ra bước ngoặt lớn trong phát triển kinh tế - xã hội của loài người.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tạo ra không gian sinh tồn hoàn toàn mới đối với loài người, đó là sự tích hợp của xã hội con người, thế giới tự nhiên với kết nối của CNTT với thế giới vật lý và sinh học. Nhiều giá trị văn hóa sẽ biến đổi và xuất hiện các giá trị văn hóa mới cùng với thế giới quan, nhân sinh quan, lối sống, tập quán mới để phù hợp với không gian sinh tồn mới.

Trong lĩnh vực văn hóa, khi cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển mạnh đã tạo ra nhiều cơ hội như:

Xây dựng xã hội thông minh với bản sắc văn hóa đa dạng, phong phú: Sự phát triển vượt bậc của công nghệ số và sự kết nối vạn vật, thiết bị với trí tuệ nhân tạo với năng suất lao động vượt trội sẽ là điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng một xã hội thông minh. Xã hội thông minh sẽ là xã hội giàu bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ tối ưu hóa thiên nhiên. Hiện nay ở một số quốc gia trên thế giới đã xuất hiện các ngôi nhà thông minh, rõ bớt có khả năng

thể hiện được biểu cảm trong giao tiếp... ngoài ra còn có các sản phẩm công nghệ cao trong các lĩnh vực khác như trong ngành y, nông nghiệp, giao thông, Văn tác động và ảnh hưởng của cách mạng 4.0 thì ranh giới giữa các quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc của mỗi quốc gia ngày càng trở nên mờ nhạt. Trong một thời gian không xa, trong lĩnh vực văn hóa sẽ xuất hiện xu thế nhất thể hóa, quốc tế hóa, do đó hệ sinh thái văn hóa toàn cầu sẽ mất tính đa dạng. Vì vậy bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc sẽ trở thành sứ mệnh quan trọng trong tương lai. Việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong phát triển bền vững là nhu cầu, mục tiêu khách quan có tính toàn cầu đã được UNESCO xác định từ những thập niên 80 của thế kỷ XX. Các thiết chế văn hóa như bảo tàng, nhà văn hóa... sẽ được ứng dụng các sản phẩm công nghệ cao, sẽ có thêm dạng thức mới trên không gian mạng đáp ứng các nhu cầu văn hóa của con người.

Đòi hỏi và nâng cao chất lượng bảo tồn, phát huy giá trị di sản: Công nghệ số hóa di sản văn hóa các dân tộc thiểu số lần xu thế được nhiều nước trên thế giới áp dụng, ở Việt Nam công nghệ này cũng đã được nghiên cứu với hàng trăm dự án sưu tầm, bảo tồn nghệ thuật biểu diễn dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam. Các loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian và những sản phẩm văn hóa phi vật thể khác cần được số hóa để thuận tiện trong việc lưu giữ, phục vụ nghiên cứu và quảng bá những giá trị của di sản văn hóa các dân tộc thiểu số. Công cụ số hóa dữ liệu đầu vào là những thiết bị hiện đại trong lĩnh vực truyền thông giúp tổng hợp đầy đủ và đa dạng các giá trị di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số Việt Nam. Trong lĩnh vực bảo tồn, việc phục dựng di sản

văn hóa vật thể, ứng dụng công nghệ 3D được coi là phương pháp tốt nhất để phục dựng các di vật, cổ vật hoặc những công trình kiến trúc nghệ thuật của di tích đã bị xuống cấp, hoặc bị hủy hoại bởi khí hậu và thời gian.

Giao lưu, hội nhập văn hóa không giới hạn: Sự phát triển của CNTT và giao thông đã tạo ra một thế giới ngày càng nhỏ hơn và phẳng hơn, những ranh giới giữa các quốc gia và dân tộc ngày càng mờ nhạt. Sự giao lưu văn hóa giữa các cá nhân, cộng đồng, xã hội và các nền văn hóa sẽ càng trực tiếp và hiệu quả thông qua các phương thức thực và ảo. Với sự phát triển vượt bậc của công nghệ số và các thiết bị dịch thuật được tích hợp sẽ giúp phá bỏ sự ngăn cách bằng ngôn ngữ. Siêu kết nối vạn vật sẽ kết nối các thư viện số trên toàn thế giới giúp cho việc tra cứu, truyền tải, lưu giữ mọi thông tin có hiệu quả hơn nhiều lần và thuận lợi hơn. Đây là một trong những cơ hội lớn trong sự lựa chọn, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, đồng thời là cơ hội quan trọng trong việc quảng bá và giới thiệu văn hóa và bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc ra toàn thế giới. Việt Nam có nền văn hóa phong phú, đa dạng, đặc sắc được bảo tồn và giữ gìn qua hàng nghìn năm lịch sử, vì vậy với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tạo cơ hội, lợi thế trong việc giới thiệu quảng bá bản sắc, tinh hoa văn hóa ra toàn thế giới, đồng thời góp phần khẳng định vị trí văn hóa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

Tham gia chuỗi sáng tạo toàn cầu: Cách mạng công nghiệp 4.0 đã tạo ra điều kiện bình đẳng giữa các quốc gia, trong đó có Việt Nam, tham gia vào chuỗi sáng tạo toàn cầu. Bất cứ cá nhân nào không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, chủng tộc... đều tham gia vào sáng tạo, khởi

ngiệp trong phạm vi toàn cầu. Trong lĩnh vực văn hóa, các sản phẩm văn hóa được sáng tạo bằng sự giao thoa, phá cách sẽ đem lại sức sống mới cho văn hóa trong đời sống nghệ thuật đương đại. Đồng thời, mở ra hướng bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số một cách hiệu quả⁽¹⁾ trong thời đại công nghệ số đều có thể được truyền bá rộng rãi trên tất cả các phương tiện CNTT và được xem là các sản phẩm văn hóa chung của nhân loại.

2. Thực trạng ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số

Tính đến 01/4/2019, tổng số người thuộc các dân tộc thiểu số tại Việt Nam là 14.123.255 người, chiếm 14,7% tổng dân số của cả nước. Địa bàn sinh sống chủ yếu của các dân tộc thiểu số là vùng Trung du và miền núi phía Bắc chiếm 56,2%; vùng Tây Nguyên chiếm 37,7%; vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung chiếm 10,3%; ở các vùng khác, tỉ lệ này chiếm không quá 8%⁽²⁾. Trong đó, có 12 tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tập trung⁽³⁾.

Theo thống kê của Cục Di sản Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), tính đến nay, cả nước có 301 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, trong đó có hơn 100 lễ hội truyền thống. Đây là tài sản vô cùng phong phú của các dân tộc anh em, mỗi lễ hội mang những nét văn hoá độc đáo, đặc trưng riêng của từng dân tộc. Nhiều lễ hội đặc sắc của các dân tộc thiểu số không chỉ nổi tiếng ở trong nước mà còn được quốc tế biết đến như: Thực hành Then của đồng bào Thái, Tày, Nùng; không gian văn hóa công điền Tây Nguyên được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, lễ hội Gầu Tào của đồng bào dân tộc Mông, lễ hội Lồng Tồng

của người Tày, Lễ hội Xoè Chiềng của người Thái... Các lễ hội của đồng bào dân tộc thiểu số giữ vai trò quan trọng trong việc gìn giữ, bảo tồn văn hoá của mỗi dân tộc, đồng thời thu hút khách du lịch đến với mỗi miền đất.

Theo số liệu của Ủy ban Dân tộc, việc tiếp cận máy vi tính và internet đối với đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế, cụ thể: tỷ lệ có máy vi tính, được sử dụng máy vi tính và có kết nối internet còn thấp. Radio, cát sét là loại phương tiện thu sóng phát thanh có chi phí thấp và dễ tiếp cận nhất đối với các hộ gia đình dân tộc thiểu số, nhưng tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có radio, cát sét cùng còn rất thấp. Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có điện thoại cũng chưa cao. Các hộ dân tộc Xê Đăng, Khơ Mú, Chứt, Mảng, Rơ Măm, La Hủ, Brâu... chỉ có dưới 40% số hộ có điện thoại.

2.1. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động văn hóa

Đối với các địa phương khu vực miền núi và dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế. Khó khăn lớn nhất hiện nay trong ứng dụng CNTT ở cấp xã, đặc biệt là các xã miền núi là tình trạng thiếu trang thiết bị tin học như máy vi tính, máy in... Nhiều

⁽¹⁾ Hồng Phúc, *Hướng đi mới cho niềm tin mới, Bảo Dân tộc và Phát triển điện tử*, <http://baodantoc.com.vn/huong-di-moi-cho-niem-tin-moi-1590232672099.htm>, truy cập ngày 06/4/2020.

⁽²⁾ *Tổng cục Thống kê, Công bố kết quả Tổng điều tra dân số 2019*, <https://web.archive.org/web/20190905113157/http://tongdiethuatdانسo.vn/cong-bo-ke-tua-tong-dieu-tra-dan-so-2019.html>, truy cập ngày 06/4/2020.

⁽³⁾ Bao gồm: Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Kon Tum (Công văn số 396/UBND-DPI ngày 02/4/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt chương trình "Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2021 - 2030").

máy vi tính trang bị đã cũ, cấu hình thấp, xuống cấp nên chỉ sử dụng để soạn thảo văn bản, truy cập internet, không thể cài thêm các phần mềm ứng dụng khác. Một số xã chỉ trang bị dù máy vi tính cho cán bộ, công chức thường xuyên làm việc tại trụ sở, nhiều cán bộ phải dùng chung một máy vi tính, khó khăn trong việc quản lý dữ liệu cũng như xử lý công việc. Việc ứng dụng CNTT trong lĩnh vực văn hóa thì cơ bản vẫn chỉ là đánh máy văn bản, nếu có kết nối được với mạng internet chỉ để cập nhật, theo dõi tin tức mà chưa thể ứng dụng vào việc tuyên truyền, vận động, giới thiệu về văn hóa của các dân tộc đến với bà con có hiệu quả. Mặc dù ở một số địa phương có hệ thống mạng nội bộ, kết nối internet, nhưng thông tin trao đổi qua mạng chưa nhiều, việc ứng dụng CNTT vào hoạt động văn hóa cụ thể vẫn chưa có hiệu quả. Trong công tác vẫn phải dùng văn bản giấy để chỉ đạo tổ chức thực hiện, báo cáo công việc chứ chưa áp dụng phương thức quản lý bằng hệ thống CNTT.

2.2. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số

Ở góc độ quản lý hành chính, đến nay hầu hết các văn bản, nghị định, thông tư, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước từ cấp trên gửi xuống các địa phương và ngược lại các báo cáo các địa phương gửi lên đều qua mạng internet là chủ yếu, do đó cán bộ văn hóa cơ sở nếu yếu về CNTT sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong tiếp cận với các văn bản của cấp trên. Đối với góc độ quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số, thì việc áp dụng CNTT chưa được chú trọng trong xây dựng các chương trình, dự án về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Việc bảo tồn, lưu trữ

các tài liệu, thông tin về văn hóa truyền thống bằng công nghệ số; việc thông qua công nghệ số để các cán bộ văn hóa tuyên truyền phổ biến, giới thiệu về văn hóa của các dân tộc trên mọi miền đất nước; việc thông qua các chương trình truyền hình địa phương, các buổi tuyên truyền lưu động, các chương trình phát thanh và truyền hình bằng tiếng dân tộc... để tăng cường sự hiểu biết và niềm tự hào về văn hóa của các dân tộc đã và đang được triển khai, nhưng cho đến nay, về cơ bản vẫn chưa có hiệu quả do còn nhiều hạn chế về quan điểm chỉ đạo của cán bộ lãnh đạo, đồng thời hạn chế về trang thiết bị, khả năng sử dụng các trang thiết bị kỹ thuật cũng như thiếu kinh phí hoạt động. Dưới góc độ an ninh văn hóa, hiện nay các thế lực phản động đang tìm mọi cách để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất trật tự xã hội thông qua các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc các chủ trương, chính sách về văn hóa dân tộc của Đảng và Nhà nước, xúi giục người dân thiếu hiểu biết, nhẹ dạ, cả tin biểu tình, phản đối chính quyền thông qua các trang mạng xã hội và thông tin trên internet... Tuy nhiên, việc phát hiện và ngăn chặn các thế lực phản động trong lĩnh vực văn hóa trên không gian mạng ở vùng miền núi và dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế. Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động và quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số còn yếu vì một số lý do khách quan và chủ quan sau:

Thứ nhất, địa bàn sinh sống và công tác của các bộ quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số chủ yếu là vùng miền núi cao, địa hình không bằng phẳng, đường sá đi lại gặp nhiều khó khăn cũng như các điều kiện cơ sở vật chất cho việc ứng dụng CNTT hữu tuyến

và vô tuyến, từ đó tạo các vùng "lỗm" về sóng thông tin. Do địa hình núi cao, giao thông đi lại không thuận tiện nên việc tiến hành xây dựng các tổ hợp chuyển tiếp sóng cũng gặp nhiều khó khăn hoặc đã được đầu tư xây dựng nhưng vẫn chưa đạt được hiệu quả trong khai thác.

Thứ hai, về trình độ của đội ngũ cán bộ văn hóa ở cơ sở. Đội ngũ này hầu hết trước đây được đào tạo không đồng bộ, cán bộ văn hóa phần lớn được tuyển từ người địa phương là con em đồng bào dân tộc thiểu số nên trình độ về CNTT còn nhiều hạn chế trong khi việc học tập về CNTT chủ yếu từ trong các trường phổ thông. Ở các cấp phổ thông, phần lớn học sinh chỉ được học những kiến thức tin học cơ bản nhất như word, excel...; thời gian thực hành trên máy vi tính ít, hệ thống máy vi tính của các trường phổ thông thường khá cũ, cấu hình yếu, không đồng bộ, nhiều nơi không thể truy cập internet hoặc không thể cài các phần mềm mới, do đó gặp rất nhiều khó khăn trong giải quyết công việc sau này, chưa nói đến tiến hành thực hiện cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Cán bộ văn hóa cơ sở cũng có thể được điều động từ nhiều đơn vị công tác khác nhau nên trình độ về CNTT không đồng đều, thậm chí ở một số địa phương các cán bộ văn hóa có tuổi thường không biết, không quan tâm tới CNTT cũng như các trang thiết bị phục vụ cho công tác thông tin tuyên truyền, do đó, kết quả công tác rất hạn chế.

3. Một số giải pháp tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển nhanh như hiện nay, việc áp dụng CNTT trong quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc

thiểu số là vấn đề cấp thiết, góp phần quan trọng trong việc tiếp cận và triển khai một cách nhanh chóng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như việc báo cáo thực tế hoạt động, kết quả thực hiện chủ trương, chính sách ở các địa phương lên các cơ quan, ban, ngành của Trung ương.

Hiện nay, việc cập nhật về CNTT đòi hỏi công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số đã được cải thiện và nâng cao, hầu hết các địa phương trên toàn quốc, từ tuyến huyện đến tuyến xã về cơ bản đã được phổ cập về mạng internet. Hàng năm, các cán bộ quản lý văn hóa cơ sở đều được tập huấn về CNTT, song do nhiều bất cập về trình độ tin học nên chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra. Để có thể ứng dụng ngày càng hiệu quả CNTT vào trong công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số cần áp dụng một số giải pháp sau:

Một là, xác định đúng vị trí và vai trò của việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số để từ đó có những chủ trương, chính sách và đầu tư kịp thời, thích đáng. Trong đó, đặc biệt ưu tiên việc ứng dụng công nghệ hệ thống GIS trong quản lý và khai thác thông tin về di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ số hóa trong công tác bảo tồn di sản văn hóa, văn hóa các dân tộc thiểu số⁴⁴.

Hai là, đổi mới, hoàn thiện chính sách về quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn

⁴⁴ Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Quyết định số 4227/QĐ-BVHTTDL, ngày 29/11/2013 phê duyệt chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2013 - 2020, tầm nhìn 2030.

hóa các dân tộc thiểu số. Cần tiến hành rà soát, điều chỉnh và sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa; Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020; Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm đáp ứng được sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0. Xây dựng chính sách và giải pháp có tính đột phá để khai thác và huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng CNTT hiện đại để xây dựng các sản phẩm văn hóa chất lượng cao. Đề xuất chính sách và cơ chế tài chính đặc thù để huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ dành cho hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số. Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định của pháp luật, xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi để thu hút chất xám và các nguồn lực đầu tư ứng dụng phát triển công nghệ 4.0 dành cho phát triển công nghiệp văn hóa nói chung, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số nói riêng.

Ba là, cần đổi mới về nhận thức trong lãnh đạo và triển khai đào tạo một cách bài bản, có trọng điểm về CNTT cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số. Đổi mới tư duy của các nhà quản lý văn hóa trong việc ứng dụng CNTT trong lĩnh vực hoạt động văn hóa là nhiệm vụ quan trọng. Ứng dụng CNTT trong quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số là xu thế tất yếu trong sự phát triển của xã hội, đồng thời phải được coi là mục tiêu, nhiệm vụ và trách nhiệm đối với các cán bộ quản lý văn hóa của địa phương. Điều này cần phải được đưa vào thành một trong những nội dung của nghị quyết, các chương trình công tác hằng năm từ cấp tỉnh, huyện, xã tại các địa

phương. Đối với công tác triển khai đào tạo và ứng dụng CNTT, cần xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể, kinh phí đào tạo, đào tạo lại, cũng như chương trình bồi dưỡng CNTT đối với cán bộ quản lý nói chung và cán bộ văn hóa các cấp nói riêng. Cần mở những lớp đào tạo về ứng dụng CNTT phù hợp về trình độ và lứa tuổi. Trong nội dung đào tạo, các giảng viên cần cập nhật các chương trình, phần mềm, hệ điều hành mới cho các học viên để họ có thể ứng dụng có hiệu quả khi được tiếp cận các trang thiết bị tin học hiện đại hiện nay. Việc tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về CNTT là tiêu chuẩn bắt buộc đối với các cán bộ trẻ và khuyến khích các cán bộ có tuổi tham gia học. Cần cứ vào thời gian, hiệu quả, năng suất khi ứng dụng CNTT vào công việc được giao để đánh giá cán bộ, coi đó là một trong những nội dung xét thi đua khen thưởng hằng năm đối với mỗi cán bộ.

Bốn là, tăng cường và hiện đại hóa cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT đặc biệt là ở vùng miền núi và dân tộc thiểu số. Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, việc ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động quản lý văn hóa ngoài yếu tố con người ra thì cơ sở vật chất về công nghệ có vai trò rất quan trọng. Cơ sở vật chất về công nghệ thiếu, không đồng bộ, không cập nhật thì khó có thể đáp ứng được yêu cầu công tác hiện nay. Tùy theo điều kiện và nhu cầu cụ thể của từng địa phương, trang bị bổ sung hoặc lắp đặt mới các trang thiết bị CNTT với hệ điều hành, cấu hình đáp ứng được các phần mềm mới hiện nay. Do điều kiện về môi trường nhiều địa phương là vùng miền núi cao, nóng ẩm, sương mù nên việc duy trì, bảo dưỡng các thiết bị CNTT phải được thực hiện định kỳ, thường xuyên để máy móc

không bị hỏng hóc trong quá trình vận hành. Đối với hệ điều hành và phần mềm ứng dụng cũng phải được nâng cấp để đáp ứng công việc mới.

Năm là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của chính quyền và cán bộ quản lý văn hóa các cấp nhằm kịp thời phát hiện những sai phạm, tồn tại, hạn chế để kịp thời đưa ra các biện pháp xử lý, khắc phục nhằm đảm bảo hiệu quả trong việc ứng dụng CNTT vào công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số.

Kết luận

Sự phát triển như vũ bão của CNTT hiện nay và đặc biệt là cách mạng công nghiệp 4.0 đang tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó văn hóa cũng là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng đáng kể. Hiện nay, việc ứng dụng CNTT được phổ biến trong công tác nghiệp vụ cũng như quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số. Trên thực tế, việc ứng dụng CNTT ở lĩnh vực này còn gặp rất nhiều khó khăn vì các lý do khách quan và chủ quan. Tuy nhiên, trong xu thế phát triển hiện nay, việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý văn hóa phải được xem là yếu tố bắt buộc, đây là nền tảng để nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số trong bối cảnh của cách mạng công nghiệp 4.0.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Quyết định số 209/QĐ-BVHTTDL, ngày 18/01/2019 phê duyệt Đề án bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2. Lê Thị Thu Hiền (2017). *Chinh sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ 3D trong công tác bảo tồn di sản văn hóa*. Luận văn Thạc sĩ Quản lý Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Trần Thị Văn Hoa (2017). *Cách mạng công nghiệp 4.0 - vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Giang Nam. *Vai trò của công nghệ trong bảo tồn di sản*, Báo Nhân dân điện tử. <https://www.nhandan.com.vn/chinhtri/binh-luan-phe-phan/item/42448902-vai-tro-cua-cong-nghe-trong-bao-ton-di-san.html>, truy cập ngày 06/4/2020.

5. Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 về việc Tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

6. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 124/2003/QĐ-TTg ngày 17/6/2003 phê duyệt Đề án bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam.

7. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020.

8. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

9. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016 - 2020.

10. Văn phòng Quốc hội, văn bản hợp nhất Luật Di sản văn hóa số 10/VBHN-VPQH ngày 23/7/2013.